

LỊCH PHÒNG VẤN 1+4 CHIỀU NGÀY 8/7 MIỀN BẮC

No.	越文姓名 Tên tiếng việt	性別 Giới tính	出生日期 Năm tháng ngày sinh
1	TRẦN LÂM KHẢI	男	2006/04/05
2	ĐẶNG XUÂN HOÀNG	男	2006/08/19
3	TRƯƠNG MẠNH THẾ	男	2006/08/01
4	ĐỒNG VĂN HUY	女	2007/07/14
5	VI VĂN HOÀNG	男	2006/11/15
6	PHẠM ĐÌNH HÒA	男	2006/07/08
7	PHẠM DUY SƠN	男	2004/10/11
8	HOÀNG TUẤN ANH	男	2004/10/12
9	VŨ NGỌC SƠN	男	2005/08/16
10	HOÀNG THỊ HẢO	女	2005/04/22
11	LŨU XUÂN NHẤT	男	2007/08/08
12	CHÁNG A LY	男	2007/09/06
13	VŨ A BẰNG	男	2007/04/14
14	TRỊNH VIẾT THÀNH ĐẠT	男	2006/10/04
15	NGUYỄN THỊ PHONG	女	2006/04/17
16	HOÀNG VĂN TOÁN	男	2007/10/19
17	NGUYỄN THỊ DƯƠNG	女	2006/11/16
18	TRẦN THỊ LỆ NHI	女	2006/09/22
19	HOÀNG THỊ DUNG	女	2006/03/30
20	PHẠM THỊ TRINH	女	2006/12/10
21	NGUYỄN NHƯ NGỌC	女	2005/06/30
22	TẠ THỊ MAI	女	2005/11/04
23	TRẦN VĂN PHONG	男	2005/10/14
24	PHẠM QUANG HIẾU	男	2005/11/23
25	NGUYỄN KHẮC HIỆP	男	2007/10/07
26	NGUYỄN THẾ VŨ	男	2007/08/24
27	VŨ HOÀNG HỮU	男	2005/10/07
28	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	男	2007/04/26
29	ĐỖ MINH ĐỨC	男	2007/10/01
30	NGUYỄN KHẮC HIỆP	男	2006/09/01
31	QUÁCH GIA MINH	男	2007/08/19
32	NÔNG ĐỨC MẠNH	男	2007/07/08